

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ NĂM 2019**

Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV tại Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020.

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT

Luật Thi hành án hình sự năm 2010 được Quốc hội Khóa XII thông qua ngày 17/6/2010 tại Kỳ họp thứ 7, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011. Qua hơn 08 năm thi hành Luật Thi hành án hình sự năm 2010, công tác thi hành án hình sự đã được tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật và thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Bên cạnh kết quả đạt được, Luật Thi hành án hình sự năm 2010 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, một số quy định đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn; đặc biệt, từ năm 2013 đến nay, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới và nhiều bộ luật, luật có nội dung liên quan đến thi hành án hình sự nên các quy định của Luật Thi hành án hình sự hiện hành không bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Hiến pháp và pháp luật có liên quan. Trong tình hình hiện nay, việc sửa đổi Luật Thi hành án hình sự năm 2010 là yêu cầu cấp thiết, bởi các lý do sau đây:

Một là, cụ thể hóa các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013 trong Luật Thi hành án hình sự

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Hiến pháp mới với những quy định tiến bộ theo hướng bảo vệ, đề cao quyền con người, trong đó, có quy định mang tính nguyên tắc: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe

của cộng đồng (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013)”. Chương II Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; trong đó có nhiều nội dung liên quan đến người đang chấp hành án hình sự. Do vậy, cần thiết phải sửa đổi các quy định của Luật Thi hành án hình sự để cụ thể hóa các quy định Hiến pháp năm 2013 nhằm bảo đảm thực thi quyền của người đang chấp hành án.

Hai là, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, cụ thể là giữa Luật Thi hành án hình sự với Bộ luật Hình sự và các đạo luật khác có liên quan

Từ khi Luật Thi hành án hình sự năm 2010 có hiệu lực thi hành, Nhà nước ta đã ban hành nhiều bộ luật, luật để triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 có liên quan trực tiếp đến công tác thi hành án hình sự như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã sửa đổi quy định liên quan đến hình phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các quy định có liên quan đến biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn... Vì vậy, cần phải sửa đổi Luật Thi hành án hình sự năm 2010 để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Ba là, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện Luật Thi hành án hình sự năm 2010

Qua 08 năm triển khai thi hành Luật Thi hành án hình sự năm 2010 cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực cũng đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, bất cập như:

- Chưa quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của phạm nhân, gây lúng túng trong công tác áp dụng như quyền được hưởng các chế độ, chính sách đối với những phạm nhân được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hoặc những quyền khác có liên quan;

- Chưa quy định cụ thể về đồ vật cấm mang vào trại giam; công tác quản lý, bàn giao hồ sơ phạm nhân cũng còn nhiều bất cập trong thực tiễn thi hành;

- Chưa quy định cơ quan có trách nhiệm áp giải, bàn giao phạm nhân là người nước ngoài có quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền chuyển giao về nước mà người đó là công dân để tiếp tục chấp hành bản án, chưa quy định việc gửi quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan có nhiệm vụ quản lý người được hoãn chấp hành án) nơi người được hoãn chấp hành án về cư trú;

- Chưa quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền trung cầu giám định trong trường hợp người được hoãn chấp hành án do bị bệnh nặng khi sức khỏe phục hồi nên rất lúng túng khi giải quyết các trường hợp này trong thực tiễn;

- Chưa quy định việc đăng ký khai sinh cho trẻ em theo bố, mẹ vào trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; vướng mắc trong công tác bố trí giam giữ riêng đôi với những đối tượng đặc biệt như người đồng tính, người chuyển giới, người chưa xác định được giới tính;

- Còn thiếu quy định về tiêu chuẩn chế độ ăn, mặc đối với con dưới 36 tháng tuổi, chế độ chăm sóc, khám chữa bệnh cho đối tượng này; chưa có quy định cụ thể giải quyết trục xuất đối với các trường hợp người nước ngoài chưa thực hiện xong hình phạt tiền hoặc nghĩa vụ bồi thường dân sự nên khó khăn trong thực hiện xuất cảnh khỏi Việt Nam...

Vì những lý do trên, để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, khắc phục những khó khăn, bất cập trong thực tiễn thi hành án hình sự những năm qua thì việc sửa đổi Luật Thi hành án hình sự năm 2010 là rất cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ DẠO

1. Thể chế hoá quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác thi hành án hình sự, phải đặt trong tổng thể và bảo đảm đồng bộ với quá trình cải cách bộ máy nhà nước, cải cách tư pháp, cải cách hành chính ở nước ta.

2. Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, các quy định mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và pháp luật khác có liên quan.

3. Quy định cụ thể, bảo đảm tính minh bạch, tính khả thi của Luật Thi hành án hình sự; góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân; đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta.

4. Bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Kế thừa những quy định còn phù hợp; bổ sung những quy định mới để khắc phục những tồn tại, khó khăn, vướng mắc sau hơn 08 năm thi hành Luật Thi hành án hình sự năm 2010; bảo đảm hiệu quả công tác thi hành án hình sự, quyền con người, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

III. PHẠM VI SỬA ĐỔI, BỔ CỤC CỦA LUẬT

1. Phạm vi sửa đổi

So với Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh về thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; về thi hành bản án, quyết định về đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn và các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội; về quyền, nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự, biện pháp tư pháp.

2. Bổ cục của Luật

Luật có 207 điều, được quy định thành 16 chương, cụ thể như sau:

- Chương I (Những quy định chung) có 10 điều, từ Điều 1 đến Điều 10.

- Chương II (Hệ thống tổ chức thi hành án hình sự, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án hình sự) có 11 điều, từ Điều 11 đến Điều 21.

- Chương III (Thi hành án phạt tù), có 55 điều, được chia thành 04 mục, cụ thể như sau:

+ Mục 1 (Thủ tục thi hành án và chế độ quản lý giam giữ, giáo dục phạm nhân) có 26 điều, từ Điều 22 đến Điều 47.

+ Mục 2 (Chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân) có 09 điều, từ Điều 48 đến Điều 56.

+ Mục 3 (Tha tù trước thời hạn có điều kiện) có 15 điều, từ Điều 58 đến Điều 72.

+ Mục 4 (Quy định đối với phạm nhân là người dưới 18 tuổi) có 4 điều, từ Điều 73 đến Điều 76.

- Chương IV (Thi hành án tử hình) có 07 điều, từ Điều 77 đến Điều 83.

- Chương V (Thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ) có 23 điều, được chia thành 03 mục, cụ thể như sau:

+ Mục 1 (Thi hành án treo) có 11 điều, từ Điều 84 đến Điều 94.

+ Mục 2 (Thi hành án phạt cảnh cáo) có 01 điều (Điều 95).

+ Mục 3 (Thi hành án phạt cải tạo không giam giữ) có 11 điều, từ Điều 96 đến Điều 106.

- Chương VI (Thi hành án phạt cấm cư trú, quản chế) có 11 điều, được chia thành 02 mục, cụ thể như sau:

+ Mục 1 (Thi hành án phạt cấm cư trú) có 05 điều, từ Điều 107 đến Điều 111.

+ Mục 2 (Thi hành án phạt quản chế) có 06 điều, từ Điều 112 đến Điều 117.

- Chương VII (Thi hành án phạt trục xuất) có 07 điều, từ Điều 118 đến Điều 124.

- Chương VIII (Thi hành án phạt tước một số quyền công dân), có 04 điều, từ Điều 125 đến Điều 128.

- Chương IX (Thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định) có 03 điều, từ Điều 129 đến Điều 131.

- Chương X (Thi hành biện pháp tư pháp) có 26 điều, được chia thành 03 mục, cụ thể như sau:

+ Mục 1 (Quy định chung về thi hành biện pháp tư pháp), có 04 điều, từ Điều 132 đến Điều 135.

+ Mục 2 (Thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh) có 05 điều, từ Điều 136 đến Điều 140.

+ Mục 3 (Thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng) có 17 điều, từ Điều 141 đến Điều 157.

- Chương XI (Thi hành án đối với pháp nhân thương mại) có 09 điều (từ Điều 158 đến Điều 166).

- Chương XII (Kiểm sát thi hành án hình sự) có 03 điều, từ Điều 167 đến Điều 169.

- Chương XIII (Bảo đảm điều kiện cho hoạt động thi hành án hình sự) có 06 điều, từ Điều 170 đến Điều 175.

- Chương XIV (Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự) có 18 điều, được chia thành 02 mục, cụ thể như sau:

+ Mục 1 (Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án hình sự) có 13 điều, từ Điều 176 đến Điều 189.

+ Mục 2 (Tố cáo và giải quyết tố cáo trong thi hành án hình sự) có 04 điều, từ Điều 190 đến Điều 193.

- Chương XV (Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước trong quản lý công tác thi hành án hình sự) có 10 điều, từ Điều 194 đến Điều 205.

- Chương XVI (Điều khoản thi hành) có 02 điều, Điều 206 và Điều 207.

IV. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Về phạm vi điều chỉnh

Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, so với Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh đối với việc xác định nội dung, trình tự, thủ tục, thực hiện tha tù trước thời hạn có điều kiện; thi hành các hình phạt và biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại chấp hành án.

2. Những nội dung để bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và khắc phục bất cập, hạn chế trong thực tiễn thi hành án phạt tù

2.1. Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân, Luật đã bổ sung điều luật quy định về quyền và nghĩa vụ của phạm nhân (Điều 27).

Theo đó, *phạm nhân có các quyền sau đây:*

(1) Được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm; được phổ biến quyền và nghĩa vụ của mình, nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân;

(2) Được bảo đảm chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế theo quy định; gửi, nhận thư, nhận quà, tiền; đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án;

(3) Được tham gia hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ;

(4) Được lao động, học tập, học nghề;

(5) Được gặp, liên lạc với thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân; đối với phạm nhân là người nước ngoài được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự;

(6) Được tự mình hoặc thông qua người đại diện để thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật;

(7) Được bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo; được đề nghị xét đặc xá, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

(8) Được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hưởng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

(9) Được sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật;

(10) Được khen thưởng khi có thành tích trong quá trình chấp hành án.

Bên cạnh đó, *phạm nhân có các nghĩa vụ sau đây:*

(1) Chấp hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình thi hành án hình sự và các quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(2) Chấp hành nội quy của cơ sở giam giữ phạm nhân, các tiêu chuẩn thi đua chấp hành án;

(3) Chấp hành yêu cầu, mệnh lệnh, hướng dẫn của cán bộ cơ sở giam giữ phạm nhân;

(4) Lao động, học tập, học nghề theo quy định;

(5) Phạm nhân làm hư hỏng, làm mất hoặc hủy hoại tài sản của người khác thì phải bồi thường. Ngoài ra, phạm nhân có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

2.2. Luật cũng sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc thực hiện các chế độ của phạm nhân theo hướng cụ thể, nhân đạo, bảo đảm tốt nhất quyền con người trong quá trình chấp hành án.

- Quy định về giam giữ phạm nhân đã bổ sung quy định về việc bố trí giam giữ riêng đối với phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam và phạm nhân là người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, người chưa xác định rõ giới tính (Điều 30).

Trước đây, Luật Thi hành án hình sự 2010 quy định có 06 đối tượng được giam giữ riêng, Luật mới đã bổ sung thêm 02 đối tượng nữa. Như vậy, hiện tại theo quy định có tổng cộng 08 đối tượng có thể được giam giữ riêng: Phạm nhân nữ; phạm nhân là người dưới 18 tuổi; phạm nhân là người nước ngoài; phạm nhân là người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; phạm nhân có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình trong thời gian chờ quyết định của Tòa án; phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam; phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân; phạm nhân là người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, người chưa xác định rõ giới tính.

- Bổ sung quy định về xếp loại chấp hành án phạt tù (Điều 35). Cụ thể: Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân được nhận xét, đánh giá kết quả chấp hành án phạt tù theo tuần, tháng, quý, 06 tháng, 01 năm. Việc nhận xét, đánh giá phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, dân chủ và bảo đảm tính liên tục. Đồng thời, căn cứ kết quả thực hiện các tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù, nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân, học tập, lao động cải tạo, kết quả khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra để nhận xét, đánh giá và

xếp loại chấp hành án phạt tù cho phạm nhân theo một trong các mức tốt, khá, trung bình, kém. Luật cũng quy định, kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù theo quý, 06 tháng, 01 năm phải bằng văn bản, được lưu hồ sơ phạm nhân. Phạm nhân lập công thì được nâng mức xếp loại chấp hành án phạt tù.

- Bổ sung quy định về tái hòa nhập cộng đồng (Điều 45), trong đó quy định về nội dung, kinh phí, biện pháp bảo đảm cho công tác tái hòa nhập cộng đồng. Cụ thể: Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng trước khi phạm nhân chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện. Nội dung chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng bao gồm: Tư vấn tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý; định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm; hỗ trợ một phần kinh phí từ Quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam.

Về kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện tái hòa nhập cộng đồng bao gồm: Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp; quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam và các quỹ khác theo quy định của pháp luật; nguồn đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác.

Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tạo điều kiện, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng bằng các biện pháp sau đây: Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng; dạy nghề, giải quyết việc làm; trợ giúp về tâm lý và hỗ trợ các thủ tục pháp lý; các biện pháp hỗ trợ khác.

Luật cũng bổ sung các quy định để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành án phạt tù liên quan đến các quy định về hoãn chấp hành án phạt tù; giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; trích xuất phạm nhân; quản lý, giam giữ phạm nhân. Theo đó những nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định theo hướng cụ thể hơn, góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ thực tế triển khai các quy định trên.

3. Những nội dung mới quy định về thi hành án tử hình

Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình (Điều 78) theo hướng quy định cụ thể hơn về

thời gian, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong việc thành lập Hội đồng thi hành án tử hình. Theo đó, Luật quy định cụ thể Hội đồng thi hành án tử hình bao gồm: Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án làm Chủ tịch Hội đồng; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp; Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp. Giúp việc cho Hội đồng thi hành án tử hình có Thư ký là cán bộ, công chức của Tòa án, do Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án phân công.

Luật đã bổ sung Điều 80 về hồ sơ thi hành án tử hình, trong đó quy định cụ thể về những tài liệu có trong hồ sơ, đồng thời giao cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập, quản lý và được lưu giữ, bảo quản theo chế độ hồ sơ do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Tại Điều 83, ngoài quy định về việc nhận tử thi và hài cốt, Luật bổ sung quy định về việc nhận tro cốt của người bị kết án tử hình, theo đó trường hợp thân nhân hoặc người đại diện của người bị thi hành án tử hình muốn nhận tro cốt của người bị thi hành án và tự chịu chi phí hỏa táng thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao tử thi và hỗ trợ đưa tử thi về nơi hỏa táng.

4. Về thi hành án treo và cải tạo không giam giữ

Để phù hợp với quy định tại Điều 65, khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và giải quyết một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành, Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan như: Bổ sung nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ; quy định cụ thể các nghĩa vụ của người chấp hành án...

4.1. Thi hành án treo

Luật đã bổ sung quy định về nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; nghĩa vụ của người được hưởng án treo; việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo; giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được hưởng án treo; xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo...

Tại Điều 86, Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong việc lập hồ sơ, báo cáo cơ quan thi hành án khi người được hưởng án treo bỏ trốn, chế độ báo cáo hằng tháng về quá trình chấp hành án... theo hướng cụ thể hơn để tăng cường trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo giữa cơ quan được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo và cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhằm bảo đảm việc triển khai thi hành được chính xác, hiệu quả.

Về nghĩa vụ của người được hưởng án treo (Điều 87), Luật quy định người được hưởng án treo phải có mặt theo giấy triệu tập và cam kết việc chấp hành án; thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; chấp hành đầy đủ hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp vì lý do khách quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, nơi làm việc; chấp hành quy định về việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc; phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu; hằng tháng phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình. Trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật này thì khi hết thời hạn vắng mặt, người được hưởng án treo phải báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

Như vậy, so với quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật đã quy định cụ thể nghĩa vụ của người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc và việc báo cáo hằng tháng (thay vì 03 tháng một lần như quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010)... để bảo đảm việc giám sát, giáo dục đối với người được hưởng án treo chặt chẽ hơn, tăng tính nghiêm minh trong quá trình thi hành án, khắc phục những hạn chế trong quản lý đối tượng chấp hành án tại địa phương thời gian qua.

Luật cũng bổ sung Điều 93 quy định việc xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo, trong đó quy định: Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật này thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu người được hưởng án treo phải có mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm . Hết thời hạn này mà người được hưởng án treo vẫn không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú, Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo làm việc quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật này nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì Công an cấp xã đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu người được hưởng án treo do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật này nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì đơn vị quân đội giám sát, giáo dục lập biên bản vi phạm và đề nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, đồng thời gửi Viện kiểm sát quân sự cùng cấp.

4.2. Cải tạo không giam giữ

Để bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về hình phạt cải tạo không giam giữ, Luật bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục, nghĩa vụ của người chấp hành án cải tạo không giam giữ; quy định về việc thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng; bổ sung quy định về điều kiện giảm thời hạn chấp hành án; việc vắng mặt tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ...

Theo đó, để bảo đảm tính nghiêm minh trong quá trình thi hành án Điều 97 đã quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải triệu tập người chấp hành án, người đại diện trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc để cam kết việc chấp hành án. Người chấp hành án, người đại diện của người chấp hành án phải có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp người chấp hành án không có mặt theo giấy triệu tập hoặc không cam kết thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm nghĩa vụ.

Để khắc phục những tồn tại của công tác thi hành án phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian qua, đặc biệt là tình trạng người chấp hành án không có mặt tại nơi cư trú, Luật đã bổ sung Điều 100 quy định về giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để bảo đảm hiệu lực thi hành của pháp luật. Cụ thể: Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Về việc xin phép, người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú

phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định của Điều 68 về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc. Luật cũng quy định, người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Về việc lao động, học tập của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ (Điều 101), Luật cũng bổ sung trường hợp người chấp hành án không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành án thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Theo đó, khi người chấp hành án được xác định là không có việc làm hoặc bị mất việc làm, Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Trên cơ sở đó, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải xem xét, quyết định buộc người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Luật cũng quy định, báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải nêu rõ loại công việc, thời gian lao động phục vụ cộng đồng dự kiến buộc người chấp hành án phải thực hiện. Đồng thời, căn cứ quyết định buộc người chấp hành án phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng dưới sự giám sát của Công an cấp xã.

Ngoài ra, Luật đã bổ sung điều kiện được giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ (khoản 1 Điều 102) để khuyến khích, động viên người chấp hành án nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật và tích cực học tập, lao động, phấn đấu trở thành người tốt. Theo đó, người chấp hành án có thể được Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực quyết định giảm thời hạn chấp hành án khi có đủ các điều kiện sau đây: Đã chấp hành được một phần ba thời hạn án phạt; đối với người dưới 18 tuổi thì phải chấp hành được một phần tư thời hạn án phạt; trong thời gian thử thách người chấp hành án đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 của Luật;

tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động, bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng; bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự trong trường hợp có nghĩa vụ dân sự.

Luật cũng bổ sung các quy định về việc xử lý vi phạm đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ (Điều 105) để bảo đảm tính răn đe, nghiêm minh trong quá trình thi hành án, khắc phục tình trạng người chấp hành án vi phạm nhưng không có chế tài xử lý nghiêm khắc, làm giảm hiệu lực thi hành pháp luật. Theo quy định của Luật, trường hợp người chấp hành án cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản về việc vi phạm. Trường hợp đã lập biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ 02 lần nhưng người chấp hành án vẫn tiếp tục vi phạm thì Công an cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục tổ chức kiểm điểm người đó; trường hợp người chấp hành án do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục thì đơn vị quân đội tổ chức kiểm điểm người đó. Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ giám sát, giáo dục và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Trường hợp, người chấp hành án đã bị kiểm điểm nhưng tiếp tục cố ý không chấp hành nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật thì không được xem xét giảm thời hạn chấp hành án. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Bổ sung quy định tha tù trước thời hạn có điều kiện

Biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện của hình phạt tù chính là một chính sách hoàn toàn mới, cho phép sớm đưa người phạm tội bị xử phạt tù quay trở về với cộng đồng để phục thiện, sửa chữa lỗi lầm với sự giúp đỡ và giám sát của gia đình, các cơ quan, đoàn thể xã hội. Đây là một biện pháp được áp dụng tại nhiều nước trên thế giới dưới các tên gọi như phóng thích có điều kiện hay trả tự do có điều kiện. Thực chất, đây là việc trả tự do sớm đối với người đang chấp hành hình phạt tù; sau khi được trả tự do, người đó phải tuân thủ một số điều kiện nhất định do cơ quan có thẩm quyền xác định trong một thời gian tạm

gọi là thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách mà người phạm tội vi phạm các điều kiện đặt ra thì tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền có thể thay đổi điều kiện thử thách hoặc có thể buộc người đó phải chấp hành nốt thời hạn còn lại của hình phạt tù trong trại giam.

Trên cơ sở quy định tại Điều 66 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật đã bổ sung Mục 3 Chương III quy định nội dung tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Về thời điểm xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, Điều 57 quy định: Việc xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện mỗi năm 03 đợt vào thời điểm kết thúc quý I, kết thúc quý II và kết thúc năm xếp loại.

Về cơ quan quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, theo quy định của Luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, với những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 61 như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiệm vụ, quyền hạn: (1) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này; (2) Yêu cầu người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; (3) Biểu dương người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiều tiến bộ hoặc lập công; (4) Giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú; (5) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện làm việc, học tập trong việc quản lý người đó; (6) Lập hồ sơ, có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách; (7) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải chấp hành phần hình phạt tù

còn lại chưa chấp hành trong trường hợp người đó vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật Hình sự; (8) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ trốn; (9) Nhận xét bằng văn bản quá trình chấp hành nghĩa vụ trong thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; (10) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách. Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nói trên.

Đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiệm vụ, quyền hạn: (1) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này; (2) Yêu cầu người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; (3) Biểu dương người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiều tiến bộ hoặc lập công; (4) Nhận xét bằng văn bản quá trình chấp hành nghĩa vụ trong thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; (5) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách; (6) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú; (7) Phối hợp với gia đình của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong việc quản lý người đó; (8) Lập hồ sơ, có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách; (9) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành trong trường hợp người đó vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật Hình sự; (10) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ trốn.

Để bảo đảm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tích cực cải tạo, sống có trách nhiệm, kỷ luật, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật để phát huy được những hiệu quả tích cực của việc áp dụng chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện, Điều 62 của Luật cũng quy định người được tha tù trước thời hạn có các nghĩa vụ sau: (1) Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; (2) Trình diện và cam kết theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật; (3) chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý; (4) chấp hành quy định của Luật về việc vắng mặt tại nơi cư trú (Điều 67); (5) phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý; (6) Hằng tháng phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình. Trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật này thì khi hết thời hạn vắng mặt, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

Bên cạnh đó, để bảo đảm hơn nữa quyền con người, tạo điều kiện cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện lao động, học tập, tái hòa nhập cộng đồng, Luật cũng quy định về việc giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vì lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc (Điều 68). Theo đó, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được xem xét, giải quyết cho thay đổi nơi cư trú nếu bảo đảm các điều kiện sau đây: (1) Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về cư trú; (2) Được sự đồng ý của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong trường hợp thay đổi nơi cư trú trong phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong trường hợp thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an trong trường hợp thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Ngoài ra, Luật cũng quy định về hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện; thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; việc lao động, học tập của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; rút ngắn thời gian thử thách đối với

người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính; giải quyết trường hợp phạm nhân đã được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật; hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; trách nhiệm của gia đình người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

6. Bổ sung quy định thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại

Việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là rất cần thiết trong nền kinh tế thị trường của nước ta hiện nay. Hiện nay, có không ít các tổ chức kinh tế - pháp nhân thương mại vì chạy theo lợi nhuận cục bộ đã có sự thông đồng thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm. Đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế như trốn thuế, kinh doanh trái phép, đầu cơ, buôn lậu hoặc vì lợi ích cục bộ đã không thực hiện các biện pháp mà pháp luật đòi hỏi để bảo vệ môi trường, gây hậu quả nghiêm trọng. Việc núp bóng dưới danh nghĩa pháp nhân để phạm tội ngày càng tăng, tính chất nguy hiểm ngày càng cao. Để phù hợp với quy định mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật bổ sung quy định Chương XI. Thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại.

Về cơ quan được giao nhiệm vụ thi hành án, để bảo đảm thống nhất hệ thống tổ chức thi hành án hình sự và không làm phát sinh đầu mối mới về cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Điều 158 quy định: Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thi hành hình phạt, biện pháp tư pháp quy định tại các điều 78, 79, 80, 81 và điểm b, điểm c khoản 1 Điều 82 của Bộ luật Hình sự theo quy định của Luật này. Cơ quan thi hành án dân sự thi hành hình phạt tiền quy định tại Điều 77, biện pháp tư pháp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 của Bộ luật Hình sự theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Do lĩnh vực kinh doanh, hoạt động của pháp nhân thương mại rất rộng, chịu sự quản lý, cấp phép bởi nhiều cơ quan khác nhau; đồng thời, các hình phạt

và biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại rất đa dạng, vì vậy trong thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại, ngoài quy định đối với cơ quan thi hành án hình sự, Luật còn quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại (Điều 164). Trong đó, căn cứ vào bản án, quyết định thi hành án và văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây: (1) Sửa đổi hoặc đình chỉ hiệu lực giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản khác có giá trị tương đương đối với pháp nhân thương mại trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn theo bản án, quyết định của Tòa án; (2) Thu hồi hoặc xóa bỏ nội dung đăng ký của pháp nhân thương mại hoặc văn bản khác có giá trị tương đương; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân thương mại, không cấp lại giấy phép thành lập, hoạt động đối với pháp nhân thương mại đã bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn theo bản án, quyết định của Tòa án; (3) Xóa bỏ nội dung đăng ký; sửa đổi, tạm dừng hiệu lực, thu hồi, từ chối hoặc không cấp lại một phần hoặc toàn bộ giấy phép hoặc văn bản khác có giá trị tương đương; đình chỉ một phần hoặc toàn bộ ngành, nghề, hoạt động của pháp nhân thương mại trong thời hạn bị cấm hoạt động, cấm kinh doanh đối với ngành, nghề trong lĩnh vực bị cấm; áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động theo bản án, quyết định của Tòa án; (4) Tự mình hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực quản lý sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ, thu hồi giấy phép; từ chối cấp phép, chấp thuận, tiến hành thủ tục để huy động vốn trong thời hạn bị cấm đối với pháp nhân thương mại; áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành hình phạt cấm huy động vốn theo bản án, quyết định của Tòa án; (5) Áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra theo bản án, quyết định của Tòa án. Đồng thời, phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan

khác có liên quan kiểm tra, giám sát pháp nhân thương mại trong quá trình chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp. Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự về việc thực hiện yêu cầu trong thi hành án và việc chấp hành án của pháp nhân thương mại. Phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan, tổ chức khác có liên quan thi hành biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công bố quyết định, văn bản của cơ quan thi hành án hình sự và biện pháp được áp dụng đối với pháp nhân thương mại theo quy định của Luật.

Ngoài ra, để việc thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại vừa mang tính khả thi, đạt hiệu quả, vừa mang tính trừng trị, răn đe cao, Luật cũng quy định cụ thể thủ tục mà pháp nhân thương mại phải tuân thủ khi chấp hành án (khoản 1 Điều 160). Cụ thể: Khi được cơ quan thi hành án hình sự triệu tập để thông báo, yêu cầu thi hành hình phạt, biện pháp tư pháp, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải công bố quyết định đó trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm của pháp nhân thương mại và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án; thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngoài ra, Luật cũng quy định các thủ tục cụ thể khi: (1) Pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động có thời hạn phải tạm dừng hoạt động đối với ngành, nghề trong một hoặc một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; (2) Pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn phải chấm dứt ngay hoạt động đối với ngành, nghề trong một hoặc một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc toàn bộ hoạt động bị đình chỉ vĩnh viễn theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; (3) Pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thì không được tiếp tục kinh doanh, hoạt động đối với ngành, nghề trong lĩnh vực bị cấm trong thời hạn theo bản án, quyết định của Tòa án. Pháp nhân thương mại không được tiếp tục kinh doanh, hoạt động kể từ

ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; (4) Pháp nhân thương mại bị cấm huy động vốn thì không được thực hiện một hoặc một số hình thức huy động vốn trong thời hạn bị cấm theo bản án, quyết định của Tòa án. Pháp nhân thương mại không được thực hiện việc huy động vốn kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; (5) Pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp tư pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra thì phải thi hành theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; (6) Pháp nhân thương mại chấp hành án phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật./.
